

TANDTP. P T CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH THUẬN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
 ---*--- *****

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2018.

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
Nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P T, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa.
2. Bà Lê Thị Kiều Thu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Việt Hùng – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P.T.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố P T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2019/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Bích C – Sinh năm 1991; Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn TN, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;

Bị đơn: Ông Trương Hữu K – Sinh năm 1979; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 05, phường Đ L, thành phố P T, tỉnh Bình Thuận;

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích C trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Hữu K tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tổ chức cưới, đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38 ngày 04/4/2017 của UBND phường Đ L, thành phố P T, tỉnh Bình Thuận; Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp, đến khoảng đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng gay gắt, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, quan hệ vợ chồng căng thẳng không

hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2019 bà C đã cùng với con về nhà cha mẹ ruột của bà sinh sống, vợ chồng không quan tâm đi lại thăm nom, không còn liên hệ tình cảm gì với nhau trong suốt thời gian qua.

Nay bà C xác định: tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân của ông bà ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Mục đích hôn nhân là để vợ chồng hạnh phúc quan tâm chăm sóc lẫn nhau cùng chăm lo cho gia đình nhưng vợ chồng trên thực tế mỗi người sống mỗi nơi, không quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Hữu K.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung là Trương Đỗ Hoàng P (nữ) – Sinh ngày 27/01/2017; Sau khi ly hôn bà C đề nghị Tòa án giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông K phải trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: bà khai sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật.

***Ý kiến Bị đơn ông Trương Hữu K:** Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án đối với Bị đơn ông Trương Hữu K theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Tuy nhiên không thực hiện được việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án do ông K không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án cùng với địa P đã đến tận nhà ông giao văn bản tố tụng, nhưng ông K không nhận. Do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, nhưng bị đơn cũng không liên hệ với Tòa án, không phản hồi ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trong suốt quá trình tiến hành tố tụng;

Tòa án đã hai lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

[1]Việc tuân theo thủ tục tố tụng:

-Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ

đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ý kiến giải quyết về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà C đã sống ly thân một thời gian do mâu thuẫn bất đồng quan điểm, ông K biết bà C kiện ly hôn nhưng không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ kiện, chứng tỏ bản thân ông cũng không muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, như vậy quan hệ vợ chồng của ông bà đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng điều 51,53, khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

-Về con chung: Bà C có sức khỏe và đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung, do vậy đề nghị giao con chung Trương Đỗ Hoàng P (nữ) – Sinh ngày 27/01/2017 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, bà C không yêu cầu ông K phải góp phí tổn nuôi con chung, nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Theo đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn ông Trương Hữu K đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 05, phường Đ L, thành phố P T, tỉnh Bình Thuận. Do vậy vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố P T, theo quy định tại khoản 01 điều 28, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

[2] Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Trương Hữu K nhưng không thực hiện được việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng do ông K không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Do vậy Tòa án đã căn cứ quy định tại khoản 04 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trương Hữu K vắng mặt lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn theo qui định tại các điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:**

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Bích C và ông Trương Hữu K là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38 ngày 04/4/2017 của UBND phường Đ L, thành phố P T, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích C kiên ly hôn ông Trương Hữu K vì xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, do bất đồng quan điểm và tính tình, vợ chồng bà đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay.

Xét thấy mặc dù không gặp khó khăn trở ngại gì trong nghề nghiệp và hoàn cảnh kinh tế nhưng vợ chồng ông bà đã không còn chung sống với nhau, không cùng nhau Ca sẽ thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy cả ông và bà đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, theo quy định tại khoản 01, khoản 02 điều 19 Luật Hôn nhân gia đình.

Ông Trương Hữu K không hợp tác với Tòa án để thể hiện nguyện vọng ý kiến của ông trong vấn đề giải quyết quan hệ Hôn nhân theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, trong thời gian sống ly thân ông cũng không có động thái nào tác động hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nay mặc dù biết rõ bà C làm đơn xin ly hôn, ông cũng không thể hiện nguyện vọng mong muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ bản thân ông đã không còn tình cảm, không muốn hòa giải đoàn tụ, như vậy mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[2]*Về con chung:* Vợ chồng bà C ông K có 01 con chung tên là Trương Đỗ Hoàng P (nữ) – Sinh ngày 27/01/2017; Sau khi ly hôn bà C đề nghị Tòa án giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông K phải trợ cấp nuôi con chung.

Xét thấy yêu cầu về việc nuôi con chung sau khi ly hôn của bà C phù hợp với quy định tại khoản 03 điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cháu P hiện cũng chưa đủ 36 tháng tuổi, đồng thời bà C có nghề nghiệp và sức khỏe đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc trợ cấp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: do bà C không yêu cầu ông K phải trợ cấp nuôi con chung, do vậy Tòa không xét, việc trợ cấp nuôi con chung của ông, bà sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện riêng, khi các đương sự có yêu cầu và làm đơn khởi kiện theo quy định pháp luật.

[4] *Về tài sản chung:* Bà C khai không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên, Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về nợ chung:* Bà C khai không có nợ chung.

[6] *Về án phí:* Bà Đỗ Thị Bích C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà C nộp tại

biên lai số 0024238 ngày 10/3/2019 của C cục thi hành án dân sự thành phố P T sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ: Khoản 01, khoản 02 Điều 19, Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đỗ Thị Bích C được ly hôn với ông Trương Hữu K;

- **Về con chung:** Bà Đỗ Thị Bích C và ông Trương Hữu K có 01 con chung tên là Trương Đỗ Hoàng P (nữ) – Sinh ngày 27/01/2017;

Tuyên buộc ông Trương Hữu K phải giao con chung Trương Đỗ Hoàng P (nữ) – Sinh ngày 27/01/2017 cho bà Đỗ Thị Bích C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do bà C chưa yêu cầu nên Tòa chưa xem xét giải quyết.

Ông Trương Hữu K và bà Đỗ Thị Bích C đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, sau ly hôn. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Bà C khai không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Bà C khai không có.

3/ Về án phí: Bà Đỗ Thị Bích C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà C nộp tại biên lai số 0024238 ngày 10/3/2019 của C cục thi hành án dân sự thành phố P T sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà C đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tổng đạt bản án.

Nơi nhận :

-Tòa án Tỉnh;
-VKS Tp.P T;
-C cục THADS TP. P T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND phường Đ L;
-Đương sự;
-Lưu.

Nguyễn Thị Như Xuân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phan Thiết, ngày 11 tháng 9 năm 2019;

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân

Các hội thẩm nhân dân:

1/Ông Đỗ Văn Hòa,

2/ Bà Lê Thị Kiều Thu,

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Vào hồi 10 giờ 00’ ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2019/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Bích C – Sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn T N, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;

Bị đơn: Ông Trương Hữu K – Sinh năm 1979; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 05, phường Đ L, thành phố P T, tỉnh Bình Thuận;

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, nghe các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, trình bày, tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề giải quyết trong vụ án như sau :

1/ Ý kiến thảo luận :

***Ý kiến bà Lê Thị Kiều Thu:** Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn biết vợ kiện ly hôn nhưng cố tình không đến tòa chứng tỏ không muốn hòa giải đoàn tụ, thuyết phục vợ quay về chung sống , trong khi đó bà C khai họ đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, do vậy theo tôi họ đã không còn tình cảm với nhau thì nên chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: ông bà chỉ có duy nhất một con chung , cháu là con gái , lại chưa đủ 36 tháng tuổi, nên việc bà C yêu cầu trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của bà C phù hợp quy định pháp luật ,đảm bảo lợi ích của con chung , do vậy theo tôi nên chấp nhận, bà C không yêu cầu ông K phải trợ cấp nuôi con chung , do vậy không xét. Về tài sản chung, nợ chung: bà khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

***Ý kiến Ông Đỗ Văn Hòa :** Ý kiến chị Thu đề xuất là phù hợp quy định pháp luật và nội dung vụ kiện, do vậy tôi thống nhất.

***Ý kiến thẩm phán chủ tọa:** Về quan hệ hôn nhân: đồng ý với quan điểm của các Hội thẩm, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: thống nhất giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; Về tài sản chung, nợ chung: bà C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Bà C phải chịu án phí theo quy định pháp luật .

Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử đã tiến hành biểu quyết các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, kết quả biểu quyết như sau:

1/Về điều luật áp dụng: Khoản 01, khoản 02 Điều 19, Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự. **Kết quả biểu quyết: 3/3**

2/**Về quan hệ hôn nhân:**Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đỗ Thị Bích C được ly hôn với ông Trương Hữu K; **Kết quả biểu quyết: 3/3.**

3/**Về con chung:** Bà Đỗ Thị Bích C và ông Trương Hữu K có 01 con chung tên là Trương Đỗ Hoàng P (nữ) – Sinh ngày 27/01/2017;

Tuyên buộc ông Trương Hữu K phải giao con chung Trương Đỗ Hoàng P (nữ) – Sinh ngày 27/01/2017 cho bà Đỗ Thị Bích C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do bà C chưa yêu cầu nên Tòa chưa xem xét giải quyết.

Ông Trương Hữu K và bà Đỗ Thị Bích C đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, sau ly hôn. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C khai không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. **Kết quả biểu quyết: 3/3**

4/ **Về án phí:** Bà Đỗ Thị Bích C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do bà C nộp tại biên lai số 0024238 ngày 10/3/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố P T sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà C đã nộp xong án phí. **Kết quả biểu quyết: 3/3**

5/Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tổng đạt bản án. **Kết quả biểu quyết: 3/3**

Biên bản kết thúc vào lúc 10h30' cùng ngày, đã được các thành viên Hội đồng xét xử đọc lại và ký tên xác nhận./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thôi Lê Thị Kiều Thu Nguyễn Thị Như Xuân

